TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 257/2018/QĐST-HNGĐ	*Bảo Lộc, ngày 24 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 333/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 09 năm 2018 giữa:

Bà **Trần Thị Bích T**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Hẻm 35 đường Lý Chính Th, tổ 19, phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ hiện nay: Số 36 đường Bế Văn Đ, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Ông **Trần Th**, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Hẻm 35 đường Lý Chính Th, tổ 19, phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 69, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Bích T và ông Trần T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Bà T và ông Th thỏa thuận giao con Trần Bá Đ, sinh ngày 23/01/2002 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con Trần Thị Phương U, sinh ngày 10/12/1997 cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng (cháu U đã trên 18 tuổi nhưng bị

khuyết tật từ nhỏ, dạng khuyết tật thần kinh, mức độ nặng). Bà T và ông Th đều không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Bà T và ông Th khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung; nợ riêng: Bà T và ông Th khai không có.

Về án phí: Bà Trần Thị Bích T chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0002591 ngày 18/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B (bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm). Hoàn trả cho bà T số tiền thừa là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố B;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- T.H.A thành phố B;
- UBND phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hiền